

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,
Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc các cơ quan, đơn vị đề xuất ý tưởng nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ.
2. *Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, lựa chọn các đề xuất ý tưởng nghiên cứu khoa học và công nghệ để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng, giao trực tiếp.
3. *Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, đánh giá các hồ sơ tham gia đăng ký tuyển chọn để xác định các tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. *Giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. *Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, kiểm tra đánh giá nội dung nghiên cứu khoa học phù hợp với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi quyết định đưa vào thực hiện.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ các định hướng ưu tiên phát triển thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực; kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

b) Có nội dung bao gồm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau về chuyên môn;

c) Thời gian thực hiện không quá 10 năm, tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể phải phù hợp với từng loại nhiệm vụ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng cụ thể hoặc có khả năng thương mại hóa; có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước;

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước; có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước;

c) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

3. Đề án khoa học cấp Bộ

a) Xây dựng đề án phải căn cứ vào các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Kết quả nghiên cứu của đề án là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế, chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật đáp ứng đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn;

c) Thời gian thực hiện không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

a) Tổ chức chủ trì dự án phải cam kết khả năng huy động nguồn kinh phí tự có hoặc thông qua sự hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ thử nghiệm là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

c) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến bảo đảm tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển ở quy mô sản xuất hàng loạt;

d) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm ưu tiên, mũi nhọn được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Kết quả tạo ra bảo đảm được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa đối với phát triển khoa học và công nghệ của các ngành, lĩnh vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm;

d) Có tiến độ phù hợp với tiến độ dự án đầu tư sản xuất;

đ) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ

a) Có khả năng tạo ra những hướng nghiên cứu mới hoặc có khả năng tạo sản phẩm mới;

b) Thời gian thực hiện không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

7. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động của cơ quan, đơn vị;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi đề nghị hỗ trợ phải được Hội đồng khoa học của các cơ quan, đơn vị (nếu có) thông qua; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí thực hiện chịu trách nhiệm trong việc đề xuất, phê duyệt, quản lý, đánh giá nghiệm thu; trong quá trình thực hiện tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi được yêu cầu;

c) Thời gian thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 4. Trình tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
2. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
4. Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
5. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đưa vào thực hiện.
6. Ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
7. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
8. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
9. Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin; chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

Điều 5. Quản lý Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Chương trình) trên cơ sở đề xuất của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ban chủ nhiệm Chương trình có nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, quản lý việc thực hiện Chương trình.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình:

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện các mục tiêu, nội dung, kết quả sản phẩm của Chương trình đã được phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng, ký duyệt Thuyết minh các đề tài, dự án thuộc Chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, tổ chức ký hợp đồng thực hiện đề tài, dự án thuộc Chương trình;

c) Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình trong quá trình thực hiện;

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quản lý các đề tài, dự án thuộc Chương trình theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành; kiến nghị, đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hàng năm của Chương trình.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ ĐẶT HÀNG, GIAO TRỰC TIẾP

Điều 6. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trình tự thực hiện:

a) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo, hướng dẫn việc đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV) về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Đối với các tổ chức, cá nhân trực thuộc các Tổng cục gửi đề xuất về Văn phòng Tổng cục để tổng hợp thành danh mục gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Trường hợp đề xuất từ 02 nhiệm vụ trở lên phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và khả thi của nhiệm vụ;

c) Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ không thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV) thông qua các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất;

đ) Trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào tuyển chọn đặt hàng, giao trực tiếp.

2. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động của các lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình do Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Theo đặt hàng, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Các vấn đề cấp thiết tại cơ quan, đơn vị;

đ) Khả năng sử dụng sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thực tiễn;

e) Các yêu cầu khác có liên quan.

3. Tiêu chí xác định Chương trình, đề tài, dự án:

a) Được đề xuất trên cơ sở các căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Ý nghĩa khoa học: Có tính mới, sáng tạo về khoa học và công nghệ;

c) Ý nghĩa thực tiễn: Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về lý luận và thực tiễn; đáp ứng nhu cầu phát triển của lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình;

d) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ hiện có của ngành, của đất nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng và thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu thực hiện đề tài; có địa chỉ và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu.

4. Tiêu chí xác định dự án sản xuất thử nghiệm:

a) Đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều này.

b) Yêu cầu về công nghệ: Thể hiện sự ổn định và tin cậy của công nghệ, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tính hiệu quả kinh tế; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; bảo đảm chỉ tiêu về an toàn sức khỏe và môi trường; thể hiện được tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có trong ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm văn hóa, thể thao và du lịch khi được ứng dụng rộng rãi;

b) Khả năng về thị trường: Các ngành kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhu cầu đối với sản phẩm dự án; sản phẩm của dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường, thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài; sản phẩm của dự án có khả năng xuất khẩu;

c) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Sản phẩm của dự án có tác động tích cực đến sự phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, tạo ngành nghề mới, tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng;

d) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức chủ trì dự án và trong nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng, thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực từ các nguồn khác nhau đáp ứng nhu cầu thực hiện dự án; có khả năng liên kết với cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học và công nghệ khác để thực hiện dự án; có thị trường tiêu thụ sản phẩm (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyển giao, hoặc thương mại hóa các sản phẩm của dự án).

Điều 7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng).

2. Thành phần Hội đồng:

a) Có 07 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên;

b) Thành viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý, các nhà khoa học có năng lực và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực tư vấn;

c) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là 02 cán bộ, công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Trách nhiệm của Hội đồng:

a) Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến và phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);

b) Thực hiện các quy định tại các Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

4. Tài liệu họp Hội đồng được Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gửi cho các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, bao gồm:

a) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV);

b) Công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm tra cứu thông tin);

d) Bản cam kết của đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Theo nguyên tắc dân chủ, các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình;

b) Phiên họp Hội đồng có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng là người chủ trì phiên họp;

d) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a (PL2a-TVHĐ) và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng;

đ) Các ý kiến khác nhau của thành viên Hội đồng được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua khi có 2/3 thành viên Hội đồng có mặt nhất trí. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với ý kiến kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng;

e) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng, giao trực tiếp phải được 3/4 số thành viên Hội đồng kiến nghị “thực hiện”;

g) Đại diện các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng;

6. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp; Hội đồng bầu thư ký khoa học;

c) Các thành viên Hội đồng thảo luận về từng nhiệm vụ đề xuất theo các tiêu chí quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 Thông tư này;

d) Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2b (PL2b-PĐG);

đ) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 người là thành viên của Hội đồng, giúp Hội đồng tổng hợp kết quả kiểm phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục 2c (PL2c-BBKP);

e) Đối với các nhiệm vụ được đề xuất “thực hiện”, Hội đồng thảo luận cụ thể để thống nhất về tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp); sắp xếp theo thứ tự ưu tiên;

g) Đối với các nhiệm vụ đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thảo luận cụ thể để thống nhất về lý do không thực hiện;

h) Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào biên bản họp Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2d (PL2d-BBHĐ).

Điều 8. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, giao trực tiếp

1. Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đặt hàng, giao trực tiếp trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể lấy ý kiến chuyên gia độc lập trước khi quyết định.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, giao trực tiếp được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh mục này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trang tin điện tử <http://khcnmt-bvhttdl.vn> và gửi cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất do Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Đảng, Nhà nước hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ trưởng giao tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm xây dựng hồ sơ thuyết minh khoa học gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thực hiện theo phương thức giao trực tiếp.

2. Trình tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất theo quy định của Thông tư này.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 10. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trừ trường hợp đang thực hiện một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ khác đã quá hạn 12 tháng mà chưa nghiệm thu. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

2. Cá nhân là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp; Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu;

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Thông báo và đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trước thời điểm tổ chức tuyển chọn ít nhất 30 ngày, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tuyển chọn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trang tin điện tử <http://khenmt-bvhttdl.vn> và gửi cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn. Hồ sơ tuyển chọn thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn. Trong trường hợp hồ sơ không đúng quy định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức tham gia đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 12. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Thành phần hồ sơ:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có);

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a (PL3a-ĐỒNĐK);

c) Bản cam kết của đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu;

d) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo mẫu quy định tại các Phụ lục 3b, 3c và 3d (PL3b-TMNV.ĐTXH; PL3c-TMNV.ĐTCN; PL3d-TMNV.ĐA) phù hợp theo từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức tuyển chọn) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3đ (PL3đ-LLTC);

e) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục 3e (PL3e- LLCN).

2. Yêu cầu và số lượng hồ sơ:

a) Bộ hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, danh sách tài liệu, văn bản có trong hồ sơ;

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14, 07 bản sao và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

3. Thời hạn nộp và nơi nhận hồ sơ:

Hồ sơ phải nộp đúng hạn về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo thông báo tuyển chọn; ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi của dấu bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Văn thư Bộ (trường hợp gửi trực tiếp). Khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi đến cơ quan tuyển chọn. Mọi bổ sung và sửa đổi phải nộp trong thời hạn quy định và là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng).

2. Thành phần Hội đồng:

a) Có 07 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên;

b) Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đại diện cơ quan, đơn vị sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Thư ký khoa học là ủy viên Hội đồng, do Hội đồng bầu trong phiên họp;

d) Hội đồng có thể có 01 ủy viên là người thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng ủy viên này không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học của Hội đồng. Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ không được làm ủy viên Hội đồng;

đ) Các chuyên gia, ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tương ứng;

e) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là 02 cán bộ, công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Tài liệu họp Hội đồng được Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gửi cho các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, bao gồm:

a) Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3g (PL3g-PNX);

c) Phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp theo mẫu quy định tại Phụ lục 3h (PL3h-PĐG).

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Theo nguyên tắc dân chủ, các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn, đồng thời chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình;

b) Phiên họp Hội đồng có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch là người chủ trì phiên họp. Phải có tối thiểu một ủy viên phản biện; ủy viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ và các đơn vị liên quan dự phiên họp của Hội đồng;

d) Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ là tổ chức, cá nhân có hồ sơ xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất của các tiêu chí và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho 0 điểm. Đối với các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì hồ sơ có điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên xếp hạng. Trong trường hợp hai hồ sơ của cùng một nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng cho điểm bằng nhau thì Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có văn bản trình xin ý kiến quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng điều hành cuộc họp; Hội đồng bầu thư ký khoa học;

c) Đại diện cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có) phát biểu ý kiến về sự cần thiết và những yêu cầu về kết quả nghiên cứu;

d) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá từng hồ sơ và so sánh các hồ sơ đăng ký tuyển chọn cùng 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Hội đồng thảo luận, phản biện các ý kiến nhận xét giữa các thành viên Hội đồng (nếu có) trước khi cho điểm độc lập vào Phiếu đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 3h (PL3h-PĐG) và bỏ phiếu;

e) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, giúp Hội đồng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 3i (PL3i-BBKP); đối với hồ sơ tuyển chọn, kết quả được tổng hợp theo tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp;

g) Thư ký khoa học của Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm và thông qua biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3k

(PL3k-BBHD). Kiến nghị danh sách các tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

h) Hội đồng thảo luận thống nhất để kiến nghị kết quả phiên họp với các nội dung cơ bản:

- Tên tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp;

- Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ của hồ sơ được Hội đồng lựa chọn trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

6. Trong trường hợp các thành viên Hội đồng có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ xem xét phê duyệt sau khi lấy ý kiến đánh giá của chuyên gia độc lập. Đối với mỗi hồ sơ sẽ lấy ý kiến đánh giá của 01 hoặc 02 chuyên gia tư vấn độc lập. Hồ sơ được ít nhất 01 chuyên gia tư vấn độc lập đề nghị tuyển chọn, giao trực tiếp, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ xem xét quyết định. Hồ sơ gửi chuyên gia tư vấn độc lập không được ghi tên của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Kết quả họp Hội đồng được Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt và thông báo cho các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả trúng tuyển chọn và gửi hồ sơ về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 14. Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Tổ thẩm định nội dung nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ thẩm định) có 05 thành viên, do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập, bao gồm:

a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

b) Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo Vụ Kế hoạch, Tài chính;

c) Các thành viên khác là chuyên gia của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đại diện cán bộ, công chức Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

d) Thư ký hành chính giúp việc cho Tổ thẩm định là 02 cán bộ, công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Tùy theo yêu cầu, Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm tham dự cuộc họp.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định:

a) Phải có mặt 4/5 thành viên;

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

3. Trách nhiệm của Tổ thẩm định:

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định;

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nội dung nghiên cứu phù hợp kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước;

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), xác định dự toán khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, dự toán khoán chi từng phần. Xác định phân kỳ kinh phí theo năm ngân sách. Kết quả thẩm định nội dung nghiên cứu và kinh phí được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (PL4-BBTĐ);

d) Kết quả thẩm định được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngay sau khi kết thúc phiên họp thẩm định.

4. Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình thẩm định nội dung nghiên cứu và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với một trong những trường hợp sau đây:

a) Có sự thay đổi lớn về mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với quyết định được phê duyệt hoặc kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Bất đồng ý kiến giữa Tổ thẩm định và tổ chức chủ trì hoặc cá nhân chủ nhiệm về mục tiêu, nội dung, kinh phí, thời gian và phương thức thực hiện;

c) Có thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

Điều 15. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoàn thiện hồ sơ theo biên bản thẩm định và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu hợp đồng quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Định kỳ vào tháng 3 và tháng 9, các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) về tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí theo mẫu quy định tại Phụ lục 5a (PL5a-BCĐK).

3. Hàng năm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ kiểm tra tiến độ thực hiện, kết quả đạt được, tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 01 ngày làm việc.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra là căn cứ để Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh, bổ sung và thanh lý hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ. Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5b (PL5b-BBKTĐK), lưu ở Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương IV

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 17. Điều chỉnh hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức chủ trì được chủ động sử dụng, quyết định điều chỉnh dự toán kinh phí (nếu có) đối với kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định điều chỉnh về: tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp Bộ và ý kiến của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

a) Tại thời điểm trước khi kết thúc thời hạn ghi trong hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm chưa hoàn thành được nội dung khoa học và công nghệ cấp Bộ so với hợp đồng đã ký thì phải báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, bao gồm các văn bản sau:

- Văn bản xin gia hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ, trong đó cần nêu cụ thể lý do dẫn tới việc chậm tiến độ thực hiện; báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tại thời điểm xin gia hạn (hai văn bản trên phải có xác nhận của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ);

- Công văn đề nghị gia hạn thực hiện của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

b) Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ phải trước thời hạn kết thúc Hợp đồng, chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên, không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định;

c) Quyết định điều chỉnh và các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh là bộ phận cấu thành của hợp đồng.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt chủ trương và giao cho Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ký văn bản về việc điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì, trừ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lấy ý kiến của chuyên gia độc lập trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 18. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (nghiệm thu cấp cơ sở)

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cho Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Hội đồng tự đánh giá có 07 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, các thành viên khác là nhà khoa học, nhà quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn và không có tên trong danh sách tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, trong đó có ít nhất 1/2 số thành viên không thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Nội dung tự đánh giá gồm:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng v.v.) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống, logic, khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể, giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ:

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Những sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì;

b) Sản phẩm là nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng đối với các sản phẩm tham gia đào tạo;

d) Có văn bản nhận xét của cơ quan liên quan ứng dụng kết quả nghiên cứu đã được nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tự đánh giá bằng hình thức phiếu đánh giá xếp loại “Đạt” và “Không đạt” đối với từng nội dung đánh giá và tổng thể nhiệm vụ nghiên cứu. Kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của đơn vị chủ trì được lập thành biên bản có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 6a (PL6a-TĐG).

Điều 19. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ bao gồm:

1. Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của tổ chức chủ trì theo mẫu quy định tại Phụ lục 6b (PL6b-CVĐNNT).

2. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Các sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ theo hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ đã ký.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Báo cáo điều tra (điều tra xã hội học, khảo sát, phân tích...).

6. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

7. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 6a (PL6a-TĐG).

8. Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tự đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ.

9. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 20. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Việc nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện trong thời hạn 30 ngày trước khi kết thúc Hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn Hợp đồng (nếu có).

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) theo quy định tại Điều 19 Thông tư này, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử lưu trữ đầy đủ sản phẩm và các báo cáo chuyên đề của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phải thông báo cho tổ chức chủ trì về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 21. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng).

2. Nội dung đánh giá của Hội đồng theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Thành phần Hội đồng:

a) Hội đồng có từ 07 hoặc 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên; trong đó có từ 05 hoặc 07 ủy viên là các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Thư ký khoa học do Hội đồng bầu trong số các ủy viên Hội đồng;

c) Hội đồng có thể có 01 ủy viên là người thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng thành viên này không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học của Hội đồng. Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được làm thành viên Hội đồng.

4. Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là 02 cán bộ, công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đề nghị Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức để Hội đồng hoặc một số thành viên Hội đồng đi kiểm tra, đánh giá kết quả thực tế. Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp; thời gian hoàn thành nghiệm thu không quá 15 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

6. Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm gửi đến các thành viên Hội đồng hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mỗi thành viên viết Phiếu nhận xét kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 6c và 6d (PL6d-PNXKQ.ĐTCN, PL6c-PNXKQ.ĐTXH) gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng.

7. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng là người chủ trì phiên họp; Hội đồng chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) và 02 ủy viên phản biện. Ủy viên phản biện vắng mặt phải có văn bản đồng ý thông qua kết quả nhiệm vụ nghiên cứu. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý tham dự phiên họp của Hội đồng.

8. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp; thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng;

c) Hội đồng bầu một ủy viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức, thực hiện nhiệm vụ; báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

đ) Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có); đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng;

e) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét và kết quả đánh giá, các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá trao đổi, thảo luận;

g) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả theo hình thức bỏ phiếu, phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục 6đ (PL6đ- PĐGKQ);

Căn cứ vào điểm đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, Hội đồng tiến hành việc xếp loại theo ba mức: Xuất sắc, Đạt và Không đạt.

- Xếp loại "Xuất sắc" nếu đạt điểm trung bình từ 85/100 điểm trở lên, trong đó, phần giá trị khoa học đạt từ 55/100 điểm trở lên và phần giá trị ứng dụng, giá trị thực tiễn kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đạt từ 20/100 điểm trở lên;

- Xếp loại "Đạt" trong các trường hợp: Đạt điểm trung bình từ 50/100 đến dưới 85/100;

- Mức "Không đạt" khi kết quả đánh giá mức điểm trung bình dưới 50/100 điểm.

h) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên Hội đồng, giúp Hội đồng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 6e (PL6e-BBHD.KP);

i) Kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ghi vào biên bản họp Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 6g (PL6g-BBHD.KQĐG);

Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt”, Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân “Không đạt” (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận đề thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

9. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gửi cho tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 22. Xử lý đối với đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ quá hạn và nghiệm thu xếp loại “Không đạt”

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chậm tiến độ so với hợp đồng đã ký kết mà không có văn bản đồng ý gia hạn thực hiện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chỉ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá “Đạt” với yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng.

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đánh giá loại "Không đạt", Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và làm lại thủ tục đánh giá nghiệm thu cấp Bộ. Thời gian gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quá 90 ngày, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng.

Trong trường hợp tổ chức và cá nhân không đủ năng lực chuyên môn để chỉnh sửa hoàn thiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình Bộ trưởng quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

5. Công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ

a) Công nhận kết quả:

Hồ sơ công nhận kết quả bao gồm: Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;

Báo cáo quyết toán tài chính và công văn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

b) Thanh lý hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ:

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi có văn bản công nhận kết quả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ; giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mẫu thanh lý hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 23. Đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin

1. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và các nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có trách nhiệm nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, gồm: báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt (sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14) và 01 bản điện tử lưu trữ đầy đủ sản phẩm và các báo cáo chuyên đề ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

2. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ và báo cáo kết thúc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ không đúng quy định.

3. Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

2. Thông tư số 03/2012/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Ban hành 25 Phụ lục kèm theo Thông tư này

1. Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

2. Phụ lục 2a (PL2a-TVHĐ) Ý kiến nhận xét, đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất;
3. Phụ lục 2b (PL2b-PĐG) Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
4. Phụ lục 2c (PL2c-BBKP) Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
5. Phụ lục 2d (PL2d-BBHĐ) Biên bản họp của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
6. Phụ lục 3a (PL3a-ĐƠN ĐK) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
7. Phụ lục 3b (PL3b-TMNV.ĐTXH) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn);
8. Phụ lục 3c (PL3c-TMNV.ĐTCN) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (áp dụng đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ);
9. Phụ lục 3d (PL3d-TMNV-ĐA) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (áp dụng đối với đề án khoa học);
10. Phụ lục 3đ (PL3đ-LLTC) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
11. Phụ lục 3e (PL3e-LLCN) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
12. Phụ lục 3g (PL3g-PNX) Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
13. Phụ lục 3h (PL3h-PĐG) Phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;
14. Phụ lục 3i (PL3i-BBKP) Biên bản kiểm phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;
15. Phụ lục 3k (PL3k-BBHĐ) Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;
16. Phụ lục 4 (PL4-BBTĐ) Biên bản họp thẩm định nội dung nghiên cứu và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
17. Phụ lục 5a (PL5a-BCĐK) Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
18. Phụ lục 5b (PL5b-BBKTĐK) Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
19. Phụ lục 6a (PL6a-TĐG) Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;
20. Phụ lục 6b (PL6b-CVĐNNT) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

21. Phụ lục 6c (PL6c-PNXKQ.ĐTXH) Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn;

22. Phụ lục 6d (PL6d- PNXKQ.ĐTCN) Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ áp dụng đối với lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; Dự án sản xuất thử nghiệm, Đề án khoa học;

23. Phụ lục 6đ (PL6đ-PĐGKQ) Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

24. Phụ lục 6e (PL6e-BBHĐ.KP) Biên bản kiểm phiếu;

25. Phụ lục 6g (PL6g-BBHĐ.KQĐG) Biên bản Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vận dụng Thông tư này để quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPTW Đảng, VPCTN, VPQH;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND Tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ KH,CN&MT, PL .180.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Tuấn Anh